

BỘ TÀI CHÍNH-TỔNG
CỤC QUẢN LÝ RUỘNG
ĐẤT
Số: 38/TTLT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 1992

THÔNG TƯ
CỦA LIÊN BỘ TÀI CHÍNH - QUẢN LÝ RUỘNG ĐẤT
Hướng dẫn chế độ quản lý
tài chính trong ngành quản lý đất đai

Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị định số 30/HĐBT ngày 23 tháng 3 năm 1989; Chỉ thị số 67/CT ngày 23 tháng 03 năm 1989 về triển khai Luật đất đai trong toàn quốc và Quyết định số 168/HĐBT ngày 16-5-1992 của Hội đồng Bộ trưởng về sửa đổi một số điểm trong Nghị quyết số 186 về phân cấp quản lý Ngân sách địa phương. Tiếp theo các văn bản hướng dẫn số 210a TC/VP ngày 01 tháng 04 năm 1990; số 15a/TCNSNN ngày 28 tháng 5 năm 1992; số 18TC/ĐT ngày 05 tháng 06 năm 1992 của Bộ Tài chính; nay Liên Bộ hướng dẫn cụ thể thêm về chế độ quản lý tài chính ngành quản lý đất đai như sau:

I. NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Ngành quản lý đất đai phối hợp chặt chẽ với ngành tài chính và các ngành liên quan ở địa phương phải khai thác đầy đủ, kịp thời các khoản thu theo quy định của chế độ hiện hành từ quản lý đất đai vào Ngân sách nhà nước. Không được tự tiện thêm bất cứ một khoản thu nào đối với người sử dụng đất đai.
 2. Phải quản lý chi tiêu chặt chẽ, tiết kiệm và chấp hành nghiêm chỉnh các định mức tiêu chuẩn chi tiêu tài chính hiện hành. Chi đúng mục đích, đúng chế độ trong phạm vi kế hoạch và có hiệu quả cao.
- Riêng chi về xây dựng lưới toạ độ địa chính các cấp, các hạng, chi cho đo vẽ bản đồ địa chính có toạ độ các tỷ lệ phải tuân theo đúng định mức kinh tế, kỹ thuật, lao động, vật tư do cơ quan có thẩm quyền quy định hoặc uỷ quyền cho Tổngcục quản lý ruộng đất quy định . Các địa phương khi tiến hành công việc phải theo đúng quy trình, quy phạm của Tổng cục quản lý

ruộng đất ban hành, nghiêm cấm làm tắt, bỏ bớt quy trình, dẫn đến lãng phí về lao động, vật tư, tiền vốn và làm giảm tiến độ và chất lượng công trình.

3. Toàn bộ các khoản thu, chi nói trên đều phải phản ánh qua Ngân sách các cấp, bao gồm từ khâu xây dựng kế hoạch đến khi quyết toán hàng năm.

II. NỘI DUNG THU CHI CỦA NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1. Các khoản thu gồm có:

a) Tiền đền bù thiệt hại đất nông nghiệp, đất có rừng sử dụng vào mục đích khác theo Quyết định số 186/HĐBT ngày 31 tháng 5 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng và Thông tư số 18/TC/ĐT ngày 05 tháng 06 năm 1992 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 186/HĐBT nói trên.

b) Tiền thuê đất của các tổ chức nước ngoài và giá trị đất trong phần góp vốn của phía Việt Nam đối với các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài áp dụng theo Quyết định số 210a TC/VP ngày 01 tháng 04 năm 1990 của Bộ Tài chính về tiền cho thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển đối với các hình thức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Cơ quan quản lý đất đai các cấp căn cứ vào quy trình, quy phạm của Tổng cục quản lý ruộng đất ban hành để xác định vị trí, diện tích, hình thể và loại hạng đất làm căn cứ tính mức thu tiền cho thuê và tiền đền bù thiệt hại về đất được chính xác.

c) Tiền phạt hành chính đối với những hành vi vi phạm chế độ quản lý và sử dụng đất đai.

Trong khi chờ văn bản hướng dẫn cụ thể của cơ quan có thẩm quyền, căn cứ vào tình hình thực tế ở từng nơi, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quy định tạm thời mức thu tiền phạt vi phạm chế độ quản lý và sử dụng đất đai để thi hành tại địa phương mình và gửi cho Bộ Tài chính và Tổng cục quản lý ruộng đất biết. Cơ quan Quản lý đất đai trực tiếp thu được giữ lại 10% số tiền phạt do người sử dụng đất đai vi phạm chế độ quản lý và sử dụng đất đai. Số còn lại (90%) phải nộp vào Ngân sách nhà nước. Số tiền 10% giữ lại này dùng để chi khen thưởng cho những người có thành tích trong việc kiểm tra, phát hiện và xử lý các vụ vi phạm chế độ quản lý đất đai.

d) Tiền lệ phí địa chính nhằm bù đắp một phần chi phí cho các hoạt động địa chính của chính quyền địa phương.

Các công việc phải thu lệ phí địa chính và mức thu tối đa, tối thiểu theo khung sau:

Loại công việc	Đơn vị tính	Mức thu	
		Tối đa	Tối thiểu
- Việc giao đất	Đ/m ²	10	5
- Đăng ký ban đầu	đ/thửa	5.000	500
- Đăng ký biến động	đ/thửa	2.000	500
- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đ/giấy	50.000	10.000
	đ/hồ sơ	100.000	2.000
- Trích lục hồ sơ địa chính	đ/đơn	200.000	5.000
- Giải quyết tranh chấp đất đai			

Tổng cục quản lý ruộng đất căn cứ vào quy định này, hướng dẫn mức thu đối với từng loại đất, mức độ công việc, từng đối tượng; sau khi có ý kiến thoả thuận của Bộ Tài chính. mức lệ phí này không áp dụng cho các dự án có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài tại Việt Nam.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức thu cụ thể cho địa phương mình theo hướng dẫn của Tổng cục quản lý ruộng đất.

Lệ phí địa chính giao cho cơ quan quản lý ruộng đất địa phương trực tiếp thu và nộp vào Ngân sách tỉnh, thành phố. Khi thu lệ phí địa chính phải ghi biên lai theo đủ số liên quy định và dán tem chứng thư do Bộ Tài chính (Tổng cục thuế) phát hành.

2. Các khoản chi và phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương cho công tác quản lý đất đai.

Tại điểm 2 mục I Thông tư số 15a TC/NSNN ngày 28 tháng 5 năm 1992 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thi hành Quyết định số 168/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng đã quy định các công việc do Ngân sách Trung ương chi, những công việc do Ngân sách địa phương chi.

Công tác quản lý đất đai, trước hết phải khẩn trương đo đạc, phân hạng, lập bản đồ địa chính trên cơ sở lưới toạ độ địa chính thống nhất trong cả nước, quy hoạch phân bổ đất đai, giao quyền sử dụng đất đến từng hộ. Thiết lập hệ thống hồ sơ và tài liệu về đất đai để làm căn cứ cho việc quản lý sử dụng trước mắt và lâu dài . Do đó , ngoài khoản chi thường xuyên cho